

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA VÌ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 27 /2025 /HSST  
Ngày 29/5/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phương Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Thuật  
2. Ông Nguyễn Đại Huy

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* ông Đỗ Xuân Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì - Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2025/HSST ngày 17/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27 /2025/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo;

**1/ Họ và tên:** NGUYỄN VĂN D, sinh năm 1977 ; Nơi cư trú: Thôn F, P, huyện P, TP Hà Nội ; Giới tính: Nam ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12 ; Dân tộc: Kinh; Bố đẻ: Nguyễn Văn N - sinh năm 1952; Mẹ đẻ: Dương Thị L – sinh năm 1957; Vợ: đã ly hôn ; Con: 02 con, lớn sinh năm 1999; nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 09/9/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an T2. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2/ Bị hại:** Anh Nguyễn Tuyển L1 – sinh năm 1989 ( có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm A, xã M, huyện B, TP Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội truy tố:

Ngày 09/03/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện B tiếp nhận tố giác về tội phạm của anh Nguyễn Tuyển L1 với nội dung tố giác Nguyễn Văn D (SN: 1977; HKTT: Cụm F, xã P, huyện P, TP Hà Nội) có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh L1.

Quá trình điều tra đã xác định:

Khoảng tháng 3/2022, anh Nguyễn Tuyển L1 biết thông tin khu vực bãi nổi sông H thuộc địa phận xã C - B đang được UBND xã C ký hợp đồng giao khoán cho một số hộ dân sắp hết thời hạn. L1 có nhu cầu muốn thuê lại đất ở khu vực này để đầu tư chăn nuôi, nên L1 đã nói chuyện với ông Nguyễn Chí T (SN 1967, trú tại: Phú Yên - Y - B, là cậu ruột của L1) để nhờ tìm người giúp đỡ. Thời điểm này thì ông T có quen biết với Nguyễn Văn D, trong quá trình nói chuyện thì D cho biết có quen với nhiều lãnh đạo các ban ngành của nhà nước. Do vậy, T đã nói chuyện về việc L1 muốn thuê đất và nhờ D giúp đỡ. D đồng ý và đã trao đổi với ông Trần Đức Q (SN 1961, trú tại: Xóm D - X - X - Nam Định, là giám đốc Công ty cổ phần B, có chức năng hoạt động hỗ trợ các thương binh, bệnh binh trong công việc) về việc muốn thuê đất của L1. Ông Q đồng ý sẽ lấy danh nghĩa của Công ty B đến làm việc xin chính quyền địa phương tạo điều kiện cho công ty thuê lại đất ở bãi nổi sông H.

Khoảng 03 ngày sau, D, Q, T tới gặp L1 ở xã M - B. Tại đây, L1 có chỉ cho mọi người phần đất mà L1 muốn thuê lại (khoảng 10 ha). Q và D hứa hẹn có thể giúp L1 thuê được phần đất trên thông qua việc tìm và kết nạp một người quen của L1 là thương binh vào công ty 27-7. Sau đó, công ty sẽ làm các thủ tục để xin chính quyền địa phương ký hợp đồng giao khoán phần đất trên cho công ty. Sau khi nhận được đất giao khoán, công ty sẽ giao lại cho người quen của L1 để canh tác. L1 đã tìm và nhờ được bác họ là ông Nguyễn Tuyển L2 (SN 1960, trú tại: Khu C - B, là thương binh hạng  $\frac{1}{4}$ ) giúp đỡ. Sau đó, ông L2 được ông Q ký một quyết định (không có số, ngày tháng ban hành) với nội dung tuyển dụng ông L2 và làm thành viên của công ty B. Thời gian sau đó, L1 có gặp Q và D khoảng 2-3 lần nữa. Trong các lần gặp này thì D có giới thiệu với L1: D là phó giám đốc công ty B và sẽ lo các thủ tục giúp L1 nhận thuê khu đất tại bãi nổi sông H.

Về phía Q và D thì có trao đổi bằng miệng với nhau về việc lo các thủ tục giúp L1, cụ thể: D sẽ trực tiếp làm việc với L1 để thu thập các tài liệu có liên quan, khi nào người dân hết hạn thuê đất, thì D báo với Q để tới làm việc với UBND xã C để xin thuê lại đất theo diện chính sách. Khi trực tiếp làm việc mà cần phải lo lót cho cán bộ hoặc người nào đó thì Q sẽ thông báo để D báo lại cho L1 chuẩn bị tiền lo việc. Sau khi việc thành công thì sẽ đề ra phân chi phí tiền công của Q và D sau. Tuy nhiên, do chưa làm việc với UBND xã C, nên Q chưa báo với D và L1 phải lo khoản tiền nào.

Tại thời điểm này, do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân, D đã nảy sinh ý định nói dối L1 để L1 đưa tiền cho D. Thực hiện ý định này, D đã tự trao đổi với L1 về việc muốn thuê được đất thì cần chi phí là 460.000.000đ để lo lót cho các cấp chính quyền từ xã lên thành phố để được thuê đất trong 05 năm. Khi lo lót đến cấp nào, giai đoạn nào, D sẽ bảo L1 chuyển tiền. Do tin tưởng, L1 đã 02 lần chuyển tiền cho D, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 4/2022, D thông báo với L1 chuyển trước số tiền 100.000.000đ để lo việc ở cấp xã và cấp huyện (tức UBND xã C và UBND huyện B). L1 đồng ý và đưa cho bà Nguyễn Thị M (SN 1969, là vợ của ông Nguyễn Chí T) để nhờ chuyển cho D. Ngày 25/4/2022, D đến nhà của M để nhận tiền. Tại đây, M đã soạn thảo trước một giấy nhận tiền với nội dung: “L1 chuyển cho D số tiền 100.000.000 đồng để đặt cọc hợp đồng đất trồng cỏ thuộc bãi nổi xã C do Công ty B đứng tên hợp đồng”. Tuy nhiên, do không nhận tiền trực tiếp của L1, nên D không ký vào giấy đã soạn sẵn. D lật lại mặt sau của tờ giấy và viết nội dung: D nhận số tiền 100.000.000đ từ M để lo việc trong xã C - B. Sau khi nhận tiền, D đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết, không sử dụng để lo việc cho L1.

Lần thứ 2: Khoảng đầu tháng 5/2022, D tiếp tục nói dối với L1 là đã lo xong các thủ tục ở xã C và huyện B. D bảo L1 chuyển tiếp cho D số tiền 250.000.000đ để lo ở cấp thành phố Hà Nội. D có nói với L1 số tiền còn lại là 110.000.000đ thì khi nào nhận được đất thì chuyển nốt cho D. L1 đồng ý và nhờ bạn là Nguyễn Tài T1 (SN 1990, trú tại: khu C - M - B) chuyển tiền cho D qua tài khoản ngân hàng. T1 đồng ý và sử dụng số tài khoản ngân hàng của mình là 0103199066666 tại ngân hàng M1 chuyển số tiền 250.000.000đ vào số tài khoản của D tại ngân hàng M1 là 2222212345678. Sau khi nhận tiền, D không dùng để lo công việc cho L1 mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

Một thời gian sau không thấy D lo được việc, L1 đã yêu cầu D hoàn trả số tiền đã nhận trên, nhưng D đưa ra nhiều lý do để khất việc trả tiền. Đến tháng 6/2023, D đã trả

lại cho L1 được số tiền 30.000.000đ. Từ đó trở đi, D không trả thêm được khoản tiền nào cho L1. L1 nhiều lần liên lạc với D nhưng không được, nên đã làm đơn tố giác D đến Công an huyện B.

Tại Cơ quan CSĐT, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân nêu trên.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành ghi lời khai của những người liên quan gồm: ông Trần Đức Q, ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Tuyển L2 và anh Nguyễn Tài T1. Kết quả: đều phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn D, Nguyễn Tuyển L1 và các tài liệu khác thu thập được trong hồ sơ.

Quá trình điều tra, ông Trần Đức Q cung cấp nội dung: ngày 19/5/2022, ông Q đã ký quyết định không có số với nội dung kết nạp Nguyễn Văn D vào làm thành viên của Công ty cổ phần B. Đến ngày 31/7/2022, ông Q được L1 thông báo việc D lấy danh nghĩa của công ty B để nhận số tiền 350.000.000đ. Đến ngày 05/8/2022, ông Q đã ra quyết định bãi nhiệm D ra khỏi thành viên của công ty.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã thu giữ của Nguyễn Tuyển L1 01 giấy biên nhận đề ngày 25/4/2022 có phần người viết ghi tên Nguyễn Văn D. Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 1615 ngày 18/3/2025 để giám định chữ viết, chữ ký trên giấy biên nhận với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn D. Tại Kết luận giám định số 314 ngày 24/3/2025 của Phòng K - Công an tỉnh P kết luận: *“Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn D và chữ viết trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với mẫu chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn D trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký và viết ra”*

Cơ quan CSĐT đã tiến hành sao kê lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn D và Nguyễn Tài T1. Kết quả: Ngày 13/5/2022, tài khoản ngân hàng của D nhận được số tiền 250.000.000đ từ tài khoản của anh Nguyễn Tài T1. Sau khi nhận tiền, D đã thực hiện việc chuyển khoản cho nhiều người để trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Đối với ông Trần Đức Q: Sau khi trao đổi với L1 về việc giúp L1 nhận thầu đất tại bãi nổi sông H, ông Q đã ký quyết định kết nạp bác của L1 là ông L2 vào làm thành viên của công ty B. Sau đó, Q đã tiến hành trao đổi với D làm việc với L1 để thu thập các tài liệu có liên quan, Q chịu trách nhiệm làm việc với UBND xã C và các cơ quan nhà nước khác để nhận thầu đất. Quá trình làm việc nếu cần lo lót và quan hệ thì sẽ thông báo để cho L1 chuyển tiền. Tuy nhiên, Q chưa làm việc với cơ quan nào, nên chưa yêu cầu L1

phải chuyển tiền. Việc D nhận tiền của L1 thì Q không biết và không được bàn bạc gì. Do vậy, hành vi của Q không đồng phạm với D, Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý Q là có căn cứ.

**Về dân sự:** anh Nguyễn Tuyển L1 yêu cầu Nguyễn Văn D phải hoàn trả số tiền 320.000.000đ. Tính đến thời điểm hiện tại thì D chưa hoàn trả được khoản tiền nào.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

Tại Cáo trạng số 15 /CT - VKS, ngày 16/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì , Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại số tiền 350.000.000đ ( Ba trăm năm mươi triệu đồng)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử. Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174 ; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 09 đến 10 năm tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Tuyển L1 số tiền 350.000.000đ ( Ba trăm năm mươi triệu đồng)

### **NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an , Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên của huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại, tố cáo gì. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi vi phạm của bị cáo bị truy tố: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Nguyễn Văn D đúng với các lời khai tại Cơ quan tra điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, **người làm chứng**, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Văn D không có khả năng và thẩm quyền để quyết định việc cho ai thuê đất ở khu vực bãi nổi sông H thuộc địa bàn xã C - B. Tuy nhiên, Nguyễn Văn D do cần tiền để tiêu sài nên D đã đưa ra thông tin gian dối để anh Nguyễn Tuyển L1 tin tưởng và chuyển cho D tổng số tiền 350.000.000đ nhằm lo việc giúp L1 được thuê khu đất ở bãi nổi sông H thuộc địa bàn xã C - B, sau khi nhận tiền thì D đã sử dụng để tiêu sài cá nhân hết.

Do vậy, HĐXX đã có đầy đủ căn cứ chứng minh hành vi bị cáo Nguyễn Văn D thực hiện đã phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức được Pháp luật bảo vệ.

Về tình tiết tăng nặng: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo đã khắc phục bồi thường số tiền 30.000.000đ cho bị hại nên HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

[4] Hình phạt: Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự , nhân thân của bị cáo, xét thấy vì nhu cầu tiêu xài cá nhân số tiền D chiếm đoạt của anh L1 là rất lớn, bản thân D chỉ mới khắc phục được một phần tiền rất nhỏ cho bị hại, nên HĐXX cần thiết phải áp dụng hình phạt tù theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có công ăn việc làm ổn định, hiện đang bị tạm giam nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và đơn xin xét xử vắng mặt của anh L1 xác nhận đã bồi thường cho anh L1 số tiền 30.000.000đ; nay anh L1 yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 350.000.000đ cho anh L1 với lý do số tiền bị cáo chiếm đoạt của anh là tiền anh L1 phải đi vay lãi mới có để đưa cho bị cáo, tại phiên tòa bị cáo D chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh L1. HĐXX xét thấy về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh L1 buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại là 320.000.000đ, tuy nhiên việc bị cáo nhất trí đồng ý bồi thường cho anh L1 số tiền 350.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của Pháp Luật, nên ghi nhận sự tự nguyện trên của bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điểm a Khoản 3 Điều 174 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585, Điều 592 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 10 ( mười ) năm 06 ( sáu ) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 09/9/2024.  
Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường cho anh Nguyễn Tuyển L1 số tiền 350.000.000đ ( Ba trăm năm mươi triệu đồng ) ;

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định Pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- VKSND H. Ba Vì;
- Công an H. Ba Vì;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Ba Vì;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Phương Lan**

*HỘI THẨM NHÂN DÂN*

*THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*

Nơi nhận:

- VKSND H. Ba Vì;
- Công an H. Ba Vì;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Ba Vì;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi,  
nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Vũ Thị Phương Lan**

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Vũ Thị Phương Lan**

